

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ XUÂN LA

SÁNG KIẾN

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG
THI VÀO 10 THPT MÔN TIẾNG ANH**

Lĩnh vực/ Môn: **Tiếng Anh**

Cấp học: Trung học cơ sở

Tên tác giả: **Nguyễn Thị Lan Hương**

Đơn vị công tác: Trường THCS Xuân La

Chức vụ: TTCM

NĂM HỌC 2022 -2023

MỤC LỤC

MỤC	TRANG
Mục lục	1
Danh mục các từ viết tắt	2
I. Phần mở đầu	3
1. Lý do chọn đề tài	3
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Đối tượng nghiên cứu	3
4. Giới hạn phạm vi nghiên cứu	4
5. Phương pháp nghiên cứu	4
II. Phần nội dung	5
1. Cơ sở lí luận	5
2. Thực trạng	5
3. Giải pháp thực hiện	7
3.1. Phân loại học sinh	8
3.2. Xây dựng chương trình, tài liệu học tập	8
3.3. Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá, luyện tập	12
3.4. Chấm và chữa bài cho học sinh	13
3.5. Kết hợp giữa học chính khóa và học chuyên đề	13
3.6. Phối hợp chặt chẽ với nhà trường, với GVCN	14
4. Kết quả thu được qua khảo nghiệm, đánh giá	14
III. Phần kết luận, khuyến nghị	15
1. Kết luận	15
2. Khuyến nghị	15
Tài liệu tham khảo	16
Phụ lục 1	17

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
BGH	Ban giám hiệu
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
PHHS	Phụ huynh học sinh
PGD	Phòng Giáo dục

PHẦN I. MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Với xu hướng hiện nay khi nền kinh tế trên thế giới ngày càng phát triển thì sự giao lưu văn hóa, chính trị, xã hội càng được mở rộng. Để giao tiếp thì đòi hỏi chúng ta phải sử dụng thành thạo một ngôn ngữ chung ngoài tiếng mẹ đẻ của mình. Trong các ngôn ngữ chung đó Tiếng Anh được coi là một trong những ngôn ngữ quan trọng nhất vì Tiếng Anh được gọi là ngôn ngữ thứ hai trên thế giới.

Nằm trong các môn học ở các trường THCS nói chung và bộ môn tiếng Anh nói riêng, chất lượng đã và đang được nâng lên một cách rõ rệt. Các thầy cô đã không ngừng nghiên cứu, tiếp thu những phương pháp dạy học tiên tiến, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề để đưa chất lượng dạy và học môn tiếng Anh ngày càng cao hơn đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp giáo dục trong các cấp học đặc biệt cho chất lượng thi vào lớp 10 THPT.

Chất lượng thi TS lớp 10 cho học sinh cuối cấp đóng một vai trò quan trọng trong công tác dạy học ở trường THCS, nó giúp HS đạt được trình độ kiến thức nhất định để học lên cấp THPT, đồng thời kết quả của nó phản ánh được thương hiệu, vị trí của một nhà trường. Vì thế, công tác này đã được học sinh, phụ huynh học sinh, giáo viên, nhà trường và các cấp lãnh đạo đặc biệt quan tâm.

Làm thế nào để nâng cao chất lượng bộ môn Tiếng Anh thi vào 10 THPT? Đây không phải là trăn trở của riêng trường nào, địa phương nào mà vấn đề này đang được tất cả các cấp học, ngành học quan tâm. Là giáo viên trực tiếp giảng dạy lớp 9, ôn luyện lớp 9 thi vào lớp 10 THPT nhiều năm nay, chất lượng bộ môn Tiếng Anh luôn đạt được vị thế cao trong quận, nên tôi mạnh dạn đưa ra chuyên đề **“Một số biện pháp nâng cao chất lượng thi vào lớp 10 THPT môn Tiếng Anh”**.

2. Mục đích nghiên cứu

Với mục tiêu nhằm nâng cao chất lượng bộ môn Tiếng Anh thi vào 10 THPT đối với học sinh lớp 9 THCS Xuân La. Nhằm nâng cao hứng thú học cho học sinh, tạo cơ hội cho học sinh nắm chắc ngữ pháp khi học tại THPT.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là học sinh lớp 9 trường THCS Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, đặc biệt là các biện pháp nâng cao chất lượng thi vào lớp 10 THPT môn Tiếng Anh.

4. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

- Sử dụng các biện pháp nâng cao chất lượng thi vào lớp 10 THPT môn Tiếng Anh
- Quy mô: Học sinh lớp 9 trường THCS Xuân La
- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 09 – 2022 đến tháng 03 - 2023.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp điều tra: hỏi đáp trao đổi trực tiếp với giáo viên dạy Tiếng Anh ở trường THCS, lấy ý kiến thăm dò học sinh lớp 9 về những vấn đề liên quan đến nội dung đề tài.

- Phương pháp thống kê, phân tích số liệu, đánh giá kết quả thu thập được. Phương pháp nghiên cứu của đề tài sẽ kết hợp các phương pháp khảo sát, phỏng vấn, thực hành và phân tích. Sự kết hợp giữa các phương pháp này sẽ giúp cho đề tài đáp ứng được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra và đem lại cho kết quả nghiên cứu chính xác hơn.

PHẦN II. NỘI DUNG

1. Cơ sở lí luận

Nghị quyết hội nghị Trung ương VIII khóa XI đề ra mục tiêu: “Đối với giáo dục phổ thông tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng truyền thống đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phát triển khả năng sáng tạo và tự học, khuyến khích học tập suốt đời, hoàn thành đào tạo giáo dục phổ thông giai đoạn sau 2015”

Ngày 8.12.2018 Bộ GD & ĐT tổ chức tọa đàm về “Giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ - đặc biệt là Tiếng Anh trong hệ thống giáo dục”. Bộ trưởng đã nhấn mạnh, việc khơi dậy một môi trường mọi người đều thích học Tiếng Anh là rất quan trọng. Môn Tiếng Anh, cũng như mọi môn học khác, căn cứ vào mục tiêu trên để xác định ra nhiệm vụ cụ thể của môn học, tổ chức hoạt động đào tạo góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục mà Đảng và Nhà nước đề ra.

Trong những năm gần đây, chất lượng giáo dục của trường THCS Xuân La có đi lên đáng kể. Song vấn đề cần bàn đến ở đây là chất lượng đại trà môn tiếng Anh thi vào lớp 10 các năm trước kết quả còn chưa cao. Điều này khiến cho bản thân tôi một giáo viên trực tiếp giảng dạy môn Tiếng Anh lớp 9 không khỏi băn khoăn, suy nghĩ với mong muốn tìm ra giải pháp tối ưu giúp học sinh khối 9 thi vào lớp 10 THPT môn Tiếng Anh đạt được kết quả cao.

Từ những cơ sở trên, tôi thiết nghĩ việc đưa ra một số biện pháp để giúp học sinh ôn thi vào lớp 10 THPT môn Tiếng Anh một cách hiệu quả, mang lại kết quả cao là hết sức cần thiết.

2. Thực trạng

Là một giáo viên Tiếng anh có thâm niên trong nghề nhưng nhiều năm trước chất lượng môn Tiếng Anh thi vào lớp 10 chưa cao. Trước kết quả như vậy bản thân tôi đã trăn trở tìm tòi và đưa ra nhiều phương pháp, xây dựng kế hoạch bài dạy với hệ thống bài tập đa dạng phong phú phù hợp với từng đối tượng đối tượng học sinh để hướng dẫn các em tiếp cận những dạng bài tập thường gặp ở những đề thi các năm.

2.1. Thuận lợi – Khó khăn

Trường THCS Xuân La nằm ở phường Xuân La, phía Tây của Hồ Tây, cách trung tâm Hà Nội khoảng 8 km. Trường được thành lập năm 1965, tại thôn Vệ Hồ - nhà Bát giác ven Hồ Tây (nay thuộc cụm 3 phường Xuân La – Tây Hồ -

Hà Nội). Trường THCS Xuân La được cải tạo, sửa chữa và mở rộng trong khuôn viên rộng hơn 8500 m² với một khung cảnh sư phạm khang trang, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, thoáng mát. Nhà trường có 36 phòng học, 11 phòng bộ môn, 1 phòng đa chức năng...02 phòng Ngoại ngữ được thiết kế theo chuẩn hiện đại. Hệ thống phòng học được thiết kế rộng rãi. Trong phòng học được trang bị đầy đủ TV, bảng từ, hệ thống internet kết nối TV... giúp giáo viên dễ dàng thực hiện hoạt động học tập đa dạng.

Trường THCS Xuân La là một tập thể đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, năng động, sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giáo viên Tiếng Anh có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm khá, giỏi, đoàn kết, nhiệt tình, tâm huyết, trách nhiệm và đặc biệt luôn nhận được sự quan tâm của BGH nhà trường.

Bên cạnh thuận lợi trên, việc ôn tập cho học sinh lớp 9 vào lớp 10 THPT cũng gặp khó khăn, đặc biệt là về số lượng học sinh trong mỗi lớp học luôn trên 45 học sinh, gây khó khăn trong việc quản lý và tương tác của GV với từng HS. Ngoài ra, một số GV không dạy HS từ lớp 6,7,8 nên gây hạn chế trong việc nắm bắt sức học của từng HS, HS chưa quen nếp dạy của GV. Ngoài ra, một số HS không nắm chắc ngữ pháp Tiếng Anh, cần sự hỗ trợ đặc biệt của GV và sức học của HS trong lớp không đồng đều, gây khó khăn cho GV trong việc thực hiện các hoạt động giảng dạy, ôn tập cho HS. Đặc biệt là dịch Covid 19 diễn ra phức tạp, lâu dài gây ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy.

2.2. Thành công – Hạn chế

Việc ôn tập môn Tiếng Anh cho HS lớp 9 thi vào 10 THPT của trường THCS Xuân La đã đạt được một số thành công nhất định, thể hiện ở kết quả thi môn Tiếng Anh vào 10 THPT ở các năm học. Năm học 2021-2022 (Điểm TB toàn trường là 8.17).

Tuy nhiên, việc ôn thi vào lớp 10 THPT môn Tiếng Anh còn tồn tại một số hạn chế. Một số học sinh còn không tích cực luyện tập, coi kì thi vào 10 để thử sức, thi cho vui chứ không xác định học tại trường đăng kí thi. Bên cạnh đó, một số PH chưa thực sự quan tâm đến việc học của con, chưa tạo điều kiện tối đa cho việc học của con em mình.

2.3. Mặt mạnh – Mặt yếu

Giáo viên Tiếng Anh trong tổ có trình độ chuyên môn tốt, đa phần đều tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tiếng Anh và đều đạt chuẩn đầu ra B2. Nhà trường trang bị đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy, trang bị các phần mềm dạy học và chấm điểm (Microsoft Teams, TN Marker...). Ngoài ra,

GV luôn có ý thức nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thường xuyên tìm tòi tài liệu, áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại và phù hợp với học sinh.

Bên cạnh những mặt mạnh kể trên, không thể không nói đến những mặt yếu. Mấy năm gần đây, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, nhiều học sinh đã phải học trực tuyến dài ngày, mất dần thói quen học bài và làm bài, không trung thực trong thi cử. Ngoài ra, sự giao thoa giữa hệ sách giáo khoa cũ và sách thí điểm cũng gây khó khăn trong việc ôn tập của GV đối với HS.

2.4. Các nguyên nhân, các yếu tố tác động

Thời gian học trực tuyến kéo dài do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 dẫn tới nhiều HS lười học.

Cơ chế không cho tuyển dụng thêm giáo viên, lựa chọn giáo viên có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu ôn tập cho HS thi vào các trường THPT chuyên

Giáo viên không có đủ thời gian để tự học, tự nghiên cứu và tìm hiểu các phương pháp tối ưu ôn tập cho HS ôn thi vào 10.

Giai đoạn này đang chuyển đổi giữa sách giáo khoa cũ (Hệ 7 năm) và sách giáo khoa thí điểm (Hệ 10 năm) của các trường trong thành phố Hà Nội nên không đồng nhất về hệ thống sách giáo khoa, gây hạn chế trong việc GV tập trung ôn tập cho HS.

2.5. Phân tích, đánh giá các vấn đề về thực trạng

Trường THCS Xuân La đã có nhiều cố gắng trong việc nâng cao chất lượng ôn thi vào 10 THPT, đặc biệt là môn Tiếng Anh. Nhiều giáo viên đã tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn, hội thảo để nâng cao kiến thức và phương pháp để ôn tập cho HS.

Năm học vừa qua, HS lớp 9 đã thi vào THPT với 3 môn Toán, Văn và Tiếng Anh. Đây là 3 môn cơ bản trong chương trình THCS, với thực tế học sinh thì môn Tiếng Anh là một môn khó vì thực trạng: “Tiếng Việt chưa rành huống gì Tiếng Anh” vì thế không chỉ giáo viên Tiếng Anh đứng lớp lo mà học sinh, phụ huynh và các cấp lãnh đạo cũng rất quan tâm đến chất lượng bộ môn này.

Tuy vậy, những năm vừa qua, trường THCS Xuân La đạt được kết quả môn tiếng Anh thi vào lớp 10 THPT cao so với các năm học trước. Đạt được kết quả như vậy là sự kết hợp của nhiều yếu tố: GV, HS, PH, BGH nhưng giáo viên trực tiếp giảng dạy vẫn là người đóng vai trò then chốt.

3. Giải pháp thực hiện:

Để giữ vững, phát huy hơn nữa kết quả năm học vừa rồi, tôi mạnh dạn đưa ra một số biện pháp như sau:

Nghiên cứu kĩ đối tượng học sinh thông qua bài kiểm tra đầu kỳ ôn tập, từ đó xây dựng nội dung chương trình vừa theo sự chỉ đạo của PGD vừa sát với trình độ của HS mình.

Chú ý ôn, luyện theo chuyên đề.

Đạy - rèn – kiểm tra - rút kinh nghiệm theo từng chuyên đề.

Giảng và yêu cầu học thuộc lý thuyết trên cơ sở lấy được ví dụ áp dụng và làm được bài tập theo chuyên đề, giáo viên luôn có câu hỏi “Vì sao em làm như thế ?” để kiểm tra sự hiểu của học sinh, không chú ý lắm đến đáp án của câu trả lời là gì mà chú ý đến cách làm bài và phương pháp giải quyết bài tập. Vì thế, GV nên ra bài tập áp dụng ngay sau khi học lý thuyết, không có ý gác lại sau, đặc biệt rèn cho học sinh biết nhận dạng đề ra và cách thức làm từng dạng.

Dành tối đa lượng thời gian trên lớp để giảng dạy nhiệt tình, có hiệu quả, chú ý công tác quản lý học sinh khi làm bài và trả lời, nếu không học sinh sẽ nhìn bài nhau, ỷ lại, lười suy nghĩ nhưng vẫn có câu trả lời đúng, GV sẽ dễ bị ngộ nhận về đối tượng. Chú trọng công tác Đôi bạn cùng tiến, học sinh giỏi, khá giúp học sinh trung bình, yếu cách làm bài.

Cung cấp đủ và đúng các tài liệu cho học sinh ôn thi có định hướng, phổ thông các bài kiểm tra theo chuyên đề bài 45 phút, 60 phút và đề thi thử .

Đừng quá ép học sinh làm quá nhiều bài tập về nhà thuộc môn mình vì sẽ làm cho học sinh căng thẳng.

Giờ ôn tập hay ôn thi học sinh hay có cảm giác chán nhất là đối tượng học sinh trung bình, yếu, kém, giáo viên thỉnh thoảng tổ chức các trò chơi lồng ghép vào các bài tập như hái hoa dân chủ (Democratic flower picking game), “It’s on the tip of my tongue” phần trò chơi này thường tổ chức ở phần khởi động (warm up), trò chơi Kahoot, hay trò chơi “The most perfect couple” (phần này thường được tổ chức ở phần cuối bài học (Further practice).

3.1. Phân loại học sinh

Ngay từ đầu năm học, tôi đã trực tiếp lên kế hoạch phân luồng học sinh một cách tương đối chính xác để học sinh có cùng trình độ sẽ ngồi với nhau khi kiểm tra và trong giai đoạn ôn thi vào 10.

Phân chia lớp thành 3 đối tượng theo học lực :

Nhóm đối tượng 1: gồm các học sinh có học lực Khá - Giỏi.

Nhóm đối tượng 2: gồm các học sinh có học lực Trung bình.

Nhóm đối tượng 3: gồm các học sinh có học lực Yếu - Kém.

3.2. Xây dựng chương trình, tài liệu ôn tập :

Căn cứ vào nội dung sách giáo khoa, hướng dẫn giảm tải, tài liệu ôn thi vào lớp 10 các năm học trước và một số tài liệu tham khảo khác tôi đã xây dựng

một cuốn tài liệu riêng đối với môn Anh. Tài liệu được viết theo từng chuyên đề bám sát vào nội dung từng chương. Với cuốn tài liệu này giáo viên và học sinh có thể ôn tập và hệ thống kiến thức, tự làm bài tập một cách chủ động.

*** Kết quả :** Bước đầu có khó khăn song một cuốn tài liệu giúp học sinh có cơ sở để ôn thi vào lớp 10 đối với môn Anh đã được tôi biên soạn khá công phu với tiêu đề " *Một số chuyên đề ôn thi vào lớp 10 THPT - môn Anh* " Mỗi chuyên đề có 2 phần: Lý thuyết và ví dụ minh họa, bài tập áp dụng.

Cụ thể:

- Chuyên đề 1: - Tenses.
 - + Hình thức, cách dùng
- Chuyên đề 2: - Cách thêm ED vào sau động từ thường
 - + Cách phát âm ED được thêm vào ngay sau động từ
 - Past simple tense with “Wish”
 - Used to/be used to
 - Cách phát âm đuôi s/es vào sau động từ
- Chuyên đề 3: - Passive Voice
- Chuyên đề 4: - Prepositions of time
 - Adverbial clauses of result
- Chuyên đề 5: - Conditionnal sentences type 1
 - Direct and Reported speech (Phụ lục 1)
- Chuyên đề 6: - Tag questions
 - Gerunds after some verbs
- Chuyên đề 7: - Adjectives and adverbs
 - Adverbial clauses of reason
 - Adjective + that clause
- Chuyên đề 8: - Connectives
 - Phrasal verbs
 - Making suggestions
- Chuyên đề 9: - Cách dùng so + adj + that + clause/such (a/an) + adj + N + that + clause.
 - Cách dùng enough, too
- Chuyên đề 10: - Relative clauses
 - Adverbial clauses of concession
- Chuyên đề 11: - Conditional type2
 - The difference between conditional sentences type 1 and type 2

Sau khi được ôn, luyện các chuyên đề tôi cho HS luyện tập áp dụng các dạng bài tập theo từng buổi riêng, ví dụ: có thể áp dụng dạy các buổi học như sau:

Buổi 1, 2, 3: Bài tập Pronunciation.

Dạng bài tập này cần chú ý luật thêm từ, cách phát âm cho học sinh.

Có thể cho học sinh tự phát âm với nhau, giáo viên lắng nghe các em phát âm rồi phát âm lại cho học sinh lựa chọn.

Động từ có quy tắc thêm –ed được phát âm như sau:

1. /ɪd/ sau âm /t/, /d/
2. /t/ sau những phụ âm vô thanh (trừ âm /t/): /p/, /k/, /f/, /s/, /tʃ/, /θ/
3. /d/ sau những nguyên âm và phụ âm hữu thanh (trừ âm /d/): /ð/, /b/, /v/, /z/, /ʒ/, /dʒ/, /g/, /m/, /n/, /ŋ/, /l/

Ex:

- | | | | |
|------------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| 1. A. arriv <u>e</u> d | B. believ <u>e</u> d | C. receiv <u>e</u> d | D. hop <u>e</u> d |
| 2. A. miss <u>e</u> d | B. knock <u>e</u> d | C. play <u>e</u> d | D. wash <u>e</u> d |

Đáp án: 1. D vì có âm /t/

2. C vì có âm /d/

Quy tắc phát âm /s/, /z/, /ɪz/

1. Phát âm là /s/ khi từ tận cùng bằng các phụ âm vô thanh: /p/, /t/, /k/, /f/, /θ/
2. Phát âm là /z/ khi từ tận cùng bằng các phụ âm hữu thanh /b/, /d/, /g/, /v/, /ð/, /m/, /n/, /ŋ/, /l/, /r/ và các nguyên âm.
3. Phát âm là /ɪz/ khi từ tận cùng bằng các phụ âm gió /s/, /z/, /ʃ/, /ʒ/, /tʃ/, /dʒ/

Ex:

- | | | | |
|----------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| 1. A. skim <u>s</u> | B. work <u>s</u> | C. sit <u>s</u> | D. laugh <u>s</u> |
| 2. A. fix <u>e</u> s | B. push <u>e</u> s | C. miss <u>e</u> s | D. go <u>e</u> s |

Đáp án: 1. A vì có âm /z/

2. D vì có âm /z/

Cách làm bài phát âm các nguyên âm

Các nhóm chữ thường được phát âm thành /i:/

Nhóm chữ “ea”, hoặc “ea”+ phụ âm trong các từ có 1 hoặc 2 âm tiết thường được phát âm thành /i:/

Ex: Sea, seat, please

Ngoại lệ: Break, Breakfast, great, steak, measure, pleasure

Nhóm chữ “ee”, hoặc “ee”+ phụ âm.

Ex: tree, see

Ngoại lệ: Beer, cheer.

Nhóm chữ “ie” đứng trước nhóm chữ “ve” hoặc “f”

Ex: Believe, chief

Hậu tố “-ese” để chỉ quốc tịch hay ngôn ngữ.

Ex: Vietnamese, Chinese

Các nhóm chữ thường được phát âm thành /ɔ:/

Nhóm chữ “all” trong các từ một hoặc hai âm tiết.

Ex: Call, fall

Nhóm chữ “au” đứng trước một hoặc nhiều phụ âm.

Ex: Audience, author

Nhóm chữ “aw” hoặc “aw” cộng một phụ âm.

Ex: law, lawn

Ex: Nhóm “wa” đứng trước hoặc hai phụ âm.

Nhóm chữ “or” hoặc “ore” đứng cuối từ hoặc trước một phụ âm trong.

Ex: port, shore

Các nhóm chữ được phát âm là /u:/

Nhóm chữ “ue” hoặc “oe” đứng cuối từ.

Ex: Blue, glue

Nhóm chữ “ew” đứng cuối từ.

Ex: crew, flew, sewage.

Nhóm “ui” đứng trước một phụ âm.

Ex: Bruise, fruit

Các nhóm chữ thường được phát âm là /ei/.

Nhóm chữ “a” + phụ âm+”e” đứng cuối từ có một hoặc hai âm tiết.

Ex: date, plate

Nhóm chữ “ai” + phụ âm đứng cuối từ 1 hoặc 2 âm tiết.

Ex: mail, nail

Nhóm chữ “ay” đứng cuối một từ

Ex: day, play

Chữ “a” đứng liền trước nhóm chữ kết thúc từ “-ion” và “-ian”.

Ex: Nation, explanation

Trọng âm

Để loại bỏ được đáp án sai, trước tiên học sinh cần chọn từ có quy tắc đánh trọng âm và loại trừ các từ không có quy tắc hoặc đang phân vân chưa rõ trọng âm ở đâu. Học sinh cần chỉ cần tìm ra trọng âm của 3 từ trong 4 phương án là có thể hoàn thành bài tập này.

Một số quy tắc đánh trọng âm:

Trọng âm thường rơi vào âm liền trước âm các từ có vần sau đây: **ic, ics, ical, ial, ion, ity, ety, ive, ilar, ular, ulous, age, ure...**

Với động từ có hai âm tiết, trọng âm thường rơi vào âm tiết thứ hai.

Danh từ, tính từ có hai âm tiết, trọng âm thường rơi vào âm tiết thứ nhất.

Đối với từ có ba âm tiết trở nên, trọng âm thường rơi vào âm tiết thứ ba từ sau ra trước (hay từ phải sang trái).

Từ có đuôi: **ate, y, ise** hoặc **ize**, trọng âm thường rơi vào âm tiết thứ ba từ sau ra trước hay từ phải sang trái.

Ex:

- | | | | |
|-----------------|--------------|--------------|---------------|
| 1. a. fantastic | b. political | c. financial | d. dictionary |
| 2. a. delicious | b. cabbage | c. banana | d. irregular |

Hướng dẫn:

Câu 1: Đáp án là D theo quy tắc 1.

Câu 2: Đáp án là B do trọng âm của từ ở phương án A rơi vào “li” – âm thứ hai, phương án B – âm thứ nhất, phương án D rơi vào “re” – âm .

Buổi 4, 5: Hướng dẫn học sinh làm bài trắc nghiệm chọn từ hoặc cụm từ

Buổi 6, 7: Bài tập tìm lỗi sai ở phần gạch chân (Có hai dạng bài tìm từ lỗi sai ở phần gạch chân, bản chất như nhau nhưng hình thức lại khác nhau)

Buổi 8, 9: Hướng dẫn học sinh làm bài đọc hiểu

Buổi 10, 11: Với dạng bài tìm đáp án cho câu hỏi

Buổi 12, 13: Dạng bài đọc hiểu

Buổi 14, 15: Writing

.....

3.3. Đa dạng hoá các hình thức kiểm tra, đánh giá, luyện tập

Với việc kiểm tra thường xuyên, giáo viên cần đa dạng hoá để học sinh phải tự giác học tập.

Kiểm tra vở ghi: Kiểm tra chữ viết, kiểm tra nội dung ghi chép có đầy đủ không (Nhắc nhở về cách ghi chép).

Kiểm tra sách, tài liệu - sách tham khảo, vở nháp của học sinh. Học sinh nào chưa có, chưa đúng yêu cầu nhắc nhở để kiểm tra lại. Nên giới thiệu một số sách tham khảo cho học sinh sưu tầm để học tập.

Kiểm tra đầu giờ, có thể kiểm tra từ mới hoặc một dạng ngữ pháp tôi đã dạy ở tiết học trước (Phụ lục 2)

Làm bài tập Tiếng Anh: Nếu bài tập trong sách giáo khoa nên kiểm tra sách của học sinh để tránh việc học sinh ghi lại đáp án vào bài tập trong sách. Có thể ra bài tập tương tự SGK, làm bài tập ngữ pháp tiếng Anh, bài tập nâng cao (HS khá, giỏi).

Cho HS làm những đề Practice Test theo dạng form thi vào 10 ngay tại lớp, áp dụng phần mềm chấm điểm TNMaker GV có thể chấm chữa ngay tại lớp và thông báo kết quả cho học sinh và gia đình ngày hôm đó.

Để tận dụng thời gian, tôi giao bài trên Google Form vào các buổi tối từ 21h00 đến 22h30. Ban đầu có thể là tuần 1 buổi, sau tăng dần tần suất giao bài để HS quen dần với việc làm bài tại nhà. Cần có sự phối kết hợp của PHHS tham gia động viên, nhắc nhở và đôn đốc HS tự giác làm bài trên google form.

3.4. Chấm và chữa bài cho học sinh

Khi chấm bài cho học sinh và tổng hợp trên google form HS làm bài GV cần ghi lỗi, thống kê lỗi nhiều nhất mà học sinh mắc phải. Khi chữa bài, GV đưa lỗi trước lớp rồi sau đó cho học sinh khá giỏi sửa lại cấu trúc ngữ pháp hay từ vựng đó. Rồi yêu cầu học sinh làm lại bài tập lại có liên quan đến phần học sinh đã mắc. Động viên, khuyến khích học sinh khá giỏi giúp học sinh yếu kém trong học tập. Động viên khuyến khích học sinh yếu, kém khi có sự cố gắng trong mỗi lần kiểm tra, làm bài tập hay luyện đề. Khi làm bài tập, GV có thể cho HS chấm chữa chéo nhau để các em tìm ra lỗi của nhau nhằm thúc đẩy tính cạnh tranh trong học tập. Có phần thưởng thích đáng cho học sinh làm bài để tiến bộ.

3.5. Kết hợp giữa học chính khoá và học chuyên đề (Học phụ đạo)

Bộ GD&ĐT đã cho phép các trường tổ chức học thêm để nâng cao chất lượng dạy học các môn nói chung và môn Tiếng Anh nói riêng. Vì thế khi tổ chức các lớp học chuyên đề giáo viên phải biết lựa chọn những kiến thức cơ bản nhất để dạy có hiệu quả và gây sự hứng thú học tập bộ môn..

Khi dạy học cần quan tâm nhiều hơn đến việc kiểm tra, đánh giá vì dạy chuyên đề có nhiều thời gian so với dạy chính khoá.

Cần chia theo các nội dung để giảng dạy một cách hệ thống

Kết thúc mỗi nội dung nên có các bài kiểm tra để đánh giá việc học tập của học sinh để đề ra cách giảng dạy cho phù hợp. Những học sinh chưa đạt yêu cầu (Bước đầu có thể kiểm tra học sinh từ điểm 4 đến 4.75) cần cho học sinh ôn lại để kiểm tra theo sự bố trí của giáo viên.

3.6. Phối hợp chặt chẽ với nhà trường, với GVCN

Thông báo cho Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm về tình hình học tập chung của học sinh, nhất là những học sinh chưa chịu khó, chưa tích cực đề xuất các hình thức khen thưởng, kỉ luật kịp thời.

Ngoài các nội dung trên cũng cần phải nói tới các nhân tố mang tính chủ quan có tác động tích cực tới chất lượng của tôi, đó là:

Bản thân tôi đã nhiều năm được nhà trường phân công dạy Tiếng Anh lớp 9, có cơ hội được tìm hiểu đối tượng học sinh ở khối lớp này, có sự nghiên cứu

chuyên sâu nội dung chương trình Tiếng Anh lớp 9. Qua các năm, tôi luôn có sự điều chỉnh nội dung kiến thức dạy học cho phù hợp và hiệu quả hơn.

Tổ chuyên môn phải có sự thống nhất về việc rèn kỹ năng cho học sinh từ các lớp dưới. Những định hướng đúng sẽ góp phần hỗ trợ giáo viên khối 9 trong quá trình giảng dạy. Khi các em lên lớp 9, giáo viên chỉ cung cấp kiến thức, không phải rèn kỹ năng ở một số dạng đề nữa. Nâng cao chất lượng môn TA là trách nhiệm của tất cả các giáo viên ở các khối lớp, kết quả thi vào 10 là sản phẩm chung của cả một tập thể giáo viên bởi nền móng có chắc chắn thì ngôi nhà mới đứng vững được.

Trong quá trình dạy học, không nên bỏ qua phương pháp dạy học truyền thống. Sử dụng PPDH truyền thống không có nghĩa là đọc chép và học thuộc mà giáo viên chữa bài, ghi lại các kiến thức cơ bản, học sinh ghi lại vào vở và trên cơ sở đó học sinh thực hành làm lại bài đã chữa ở nhà.

Mỗi giáo viên phải luôn có ý thức học hỏi trau dồi chuyên môn nghiệp vụ: Học hỏi đồng nghiệp trong tổ CM, nhóm CM, cùng thảo luận để tìm ra phương pháp dạy một bài hay một đề bài cụ thể.

Sưu tầm lưu giữ các đề thi, đề kiểm tra và đáp án các năm để làm tài liệu tham khảo. Lấy đáp án của các kỳ thi năm trước làm định hướng để rèn kỹ năng làm bài cho học sinh. Nghiên cứu cấu trúc của đề thi vào 10 các năm để ra đề kiểm tra đánh giá học sinh. Các tư liệu trên có thể sưu tầm từ đồng nghiệp hoặc trên thư viện violet, các trang web như: Tienganh123, Trainingeducation...

4. Kết quả thu được qua khảo nghiệm, đánh giá

Để đánh giá mức độ hiệu quả của các biện pháp trên, tôi đã thống kê kết quả HS 2 lớp 9E và 9G trước và sau khi áp dụng các biện pháp. Kết quả như sau:

Kết quả kiểm tra trước khi áp dụng biện pháp														
Lớp	Số sĩ	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		ĐTB
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
9E	43	10	23.26	4	9.3	7	16.28	12	27.91	10	23.26	21	48.84	4.87
9G	53	25	47.16	7	13.2	15	28.3	6	11.32			47	88.68	6.53

Kết quả kiểm tra sau khi áp dụng biện pháp														
Lớp	Số sĩ	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		ĐTB
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
9E	43	20	46.51	14	32.55	7	16.28	2	4.65			41	95.34	6.93
9G	53	35	66.04	9	16.98	9	16.98					53	96.23	8.72

Bảng dữ liệu kết quả kiểm tra trước khi áp dụng các biện pháp cho thấy lớp 9E có 43 học sinh và lớp 9G có 53 học sinh. Các mức điểm được chia ra thành 5 nhóm: Giỏi, Khá, Trung bình, Yếu và Kém. Tỷ lệ phần trăm học sinh đạt mỗi nhóm điểm của lớp 9E là 23,26%, 9,3%, 16,28%, 27,91% và 23,26% và của lớp 9G là 47,16%, 13,2%, 28,3%, 11,32% và 0%.

Dựa trên bảng dữ liệu sau khi áp dụng các biện pháp, tại lớp 9E có 46,51% học sinh đạt mức điểm Giỏi và 32,55% học sinh đạt mức điểm Khá, Trung bình vẫn là 16,28% nhưng mức điểm Yếu chỉ còn 4,65%, không còn HS Kém. Trong khi đó ở lớp 9G có 66,04% học sinh đạt mức điểm Giỏi, 16,98% đạt Khá và 16,98% đạt TB, không còn học sinh đạt mức điểm Yếu. Điều này cho thấy kết quả rõ rệt của việc áp dụng các biện pháp nêu trên, có sự cải thiện đáng kể về kết quả học tập môn Tiếng Anh của học sinh, đặc biệt là điểm Giỏi.

PHẦN III. KẾT LUẬN, KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kết luận của đề tài là việc áp dụng các biện pháp nhằm giúp HS ôn thi vào lớp 10 THPT đạt kết quả cao nhất. Nghiên cứu đã đưa ra các biện pháp, đi vào phân tích hiệu quả của việc sử dụng các biện pháp đó.

Kết quả của nghiên cứu cũng chỉ ra việc sử dụng các biện pháp giúp HS ôn thi vào lớp 10 THPT môn Tiếng Anh đã tác động tích cực đến kết quả học tập của học sinh, kết quả HS thi vào 10 môn Tiếng Anh đạt kết quả cao.

Do đó, tôi thấy việc vận dụng các biện pháp này sẽ mang lại hiệu quả rõ rệt và cần được hoàn thiện hơn nữa qua từng năm.

2. Khuyến nghị

Dựa trên kết quả của nghiên cứu, khuyến nghị là cần áp dụng các biện pháp đã được đề cập đến trong nghiên cứu. Giáo viên nên thường xuyên sử dụng các biện pháp này, không chỉ đối với việc ôn thi vào lớp 10 THPT môn Tiếng Anh mà có thể áp dụng đối với các khối lớp khác nhằm tạo thói quen cho HS trong việc luyện tập và củng cố các chuyên đề, các phần ngữ pháp HS được học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ôn tập và kiểm tra Tiếng Anh 9- Nhà xuất bản giáo dục (Nguyễn Thị Chi)
2. Bài tập tiếng Anh 9 –Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh (Vũ Thị Lợi)
3. Hướng dẫn học sinh lớp 9 ôn luyện thi vào 10 – Nhà xuất bản đại học sư phạm (Bùi Văn Khiết –Bùi Thị Thu)
4. English Grammar – Oxford University
5. 326 Selected Essays – New Edition
6. [http://: Tienganh123.com](http://Tienganh123.com)
7. <https://vndoc.com/>
8. <https://tailieu.com/>

PHỤ LỤC 1

Chuyên đề 5.2 Reported speech

Trong câu nói trực tiếp (Direct speech) chúng ta đưa ra lời nói chính xác mà một người nào đó nói và sử dụng dấu “..”

Trong lời nói gián tiếp (Reported speech) chúng ta đưa ra ý nghĩa của những gì mà một người nào đó nói nhưng có sự thay đổi và không dùng dấu “..” . Lời nói gián tiếp là lời nói tường thuật lại ý của người nói.

1. Statements in reported speech: Câu trần thuật trong lời nói gián tiếp

Muốn đổi một câu trần thuật khẳng định hoặc phủ định từ trực tiếp sang gián tiếp, ta làm theo các bước sau:

- **B1: Dùng động từ giới thiệu “say” hoặc “tell”:** say (that); say to somebody (that), tell somebody (that). Động từ giới thiệu trong lời nói gián tiếp thường ở quá khứ và liên từ “that” có thể được bỏ,.

B2: Đổi các đại từ nhân xưng; đại từ hoặc tính từ sở hữu (nếu có) sao cho tương ứng với chủ ngữ hoặc tân ngữ ở mệnh đề chính.

- **B3: Đổi thì của động từ thành thì quá khứ tương ứng:**

+ Thì hiện tại đơn → Thì quá khứ đơn

Ex: “I watch TV every night”. → He said he watched TV every night.

+ Thì hiện tại tiếp diễn → Thì quá khứ tiếp diễn

Ex: “I am doing my homework”. → She said she was doing her homework.

+ Thì hiện tại hoàn thành (have/ has + Vp2) → Thì quá khứ hoàn thành (had + Vp2)

Ex: “I have found an apartment.”, he said → He had found an apartment.

+ Thì quá khứ đơn → Thì quá khứ hoàn thành (had + Vp2)

Ex: “I took her to the airport last night.”, he said.

→ He said he had taken her to the airport the night before.

+ Thì tương lai đơn → Tương lai trong quá khứ (would + V)

Ex: “We will travel to the United States in May”, they said

→ They said they would travel to the United States in May.

+ Thì tương lai tiếp diễn → Tương lai tiếp diễn trong quá khứ (would be + V-ing)

Ex: He said: “I will be sitting at the café”.

→ He said that he would be sitting at the café.

+ Các động từ khiếm khuyết:

can → could

Ex: "I can speak English pretty well", he said

→ He said he could speak English pretty well.

must → had to (bổn phận được thực hiện ngay) / **would have to**

(bổn phận tùy thuộc vào một hành động nào đó ở tương lai khá xa)

Ex: "I must go now.", she said → She said she had to go then.

She said, "When you leave school you must find a job."

→ She told me that when I left school, I would have to find a job.

would, should, could, might, ought to, used to, had better

thường không thay đổi trong lời nói gián tiếp.

- **B4: Đổi một số tính từ và trạng từ: (nếu có)**

this → that yesterday → the day before/ the previous day

these → those the day before yesterday → Two days before

here → there last week → the week before / the previous week

now → then tomorrow → the day after / the following day

ago → before the day after tomorrow → Two days after

today → that day next week → the week after / the following week

Exercise 1: Change these sentences into reported speech:

1. He said: "I've forgotten my address."

2. "I took it home with me," she said

3. My teacher said: "The Second World War ended in 1945."

4. She said to him: "You are my friend."

5. "There has been an accident and the road is blocked", said the policeman.

2. Yes – No question in reported speech: Câu hỏi nghi vấn trong cách nói gián tiếp:

Muốn đổi câu hỏi Yes – No question từ trực tiếp sang gián tiếp, ta cũng thực hiện các bước đổi như sau:

- B1: Dùng động từ giới thiệu: ask, wonder, want to know

- B2: Dùng if hoặc whether ngay sau động từ giới thiệu của mệnh đề chính. If/ whether có nghĩa là

"có....không"

- B3: Đổi cấu trúc câu hỏi thành câu trần thuật

- B4: Đổi đại từ, tính từ sở hữu, thì của động từ và các trạng từ chỉ thời gian, nơi chốn (giống cách đổi câu trần thuật)

S1 + asked (+ O) + if/ whether + S2 + V
--

Ex: She asked me: "Do you like him?" → She asked if/ whether I liked him.

Exercise 2: Change these questions into reported speech:

1. The man said to her: "Can you play the piano?"
2. The mother said to him: "Are you willing to help your friends now?"
3. The son said to the father: "Will you come here every weekend, dad?"
4. The teacher said to the students: "Are you ready for tomorrow?"
5. The girl said to the boy: "Do you know the way to the post office in this city?"

3. WH-question in reported speech: Câu hỏi có từ để hỏi trong cách nói gián tiếp:

Muốn đổi câu hỏi WH- question từ trực tiếp sang gián tiếp, ta cũng thực hiện các bước đổi như sau:

- B1: Dùng động từ giới thiệu: ask, wonder, want to know
- B2: Sử dụng lại các từ để hỏi (what, when, where....) sau động từ giới thiệu
- B3: Đổi cấu trúc câu hỏi thành câu trần thuật
- B4: Đổi đại từ, tính từ sở hữu, thì của động từ và các trạng từ chỉ thời gian, nơi chốn (giống cách đổi câu trần thuật)

S1 + asked (+ O) + WH + S2 + V

Ex: He said: "What time does the film begin?"

→ He wanted to know what time the film began.

Exercise 3: Change these questions into reported speech:

1. "Who put salt in my coffee?", he asked.
2. "Whose bicycle did you borrow yesterday?", his mother asked him.
3. The traveller asked, "How long does it take to get to London?"
4. The teacher asked "Which book are you talking, John?"
5. Jane said to John: "Who will come to the movies with me?"

4. Command and requests in reported speech: Câu mệnh lệnh, yêu cầu trong cách nói gián tiếp:

S + asked/ told + O + (not) + to V.....

Để đổi một câu mệnh lệnh, yêu cầu từ trực tiếp sang gián tiếp, ta làm theo các bước sau:

- B1: Dùng các động từ mở đầu: **asked** (yêu cầu), **told** (bảo), **ordered** (ra lệnh), **requested** (đề nghị).....
- B2: Đặt tân ngữ (object) chỉ người nhận lệnh, người được yêu cầu ngay sau động từ mở đầu.
- B3: Thêm "to" trước động từ nguyên mẫu của câu trực tiếp.
- B4: Thay đổi đại từ nhân xưng, đại từ sở hữu, đại từ phản thân hoặc tính từ sở hữu sao cho phù hợp.

- B5: Bỏ dấu ngoặc kép và từ “please” (nếu có)

Ex1: He said, “Can you meet me after class?”

→ *He asked me to meet him after class.*

B1 B2 B3 B4

Ex2: “Don’t leave your room, Tom” she said.

→ *She asked Tom not to leave his room.*

B1 B2 B3 B4

Exercise 4: Rewrite the following sentences in reported speech:

1. “Please take these books to my classroom”

→ She told me

2. “Can you buy me some soap on your way home?”

→ My mother asked me

3. “Please turn on the radio for me”

→ Ba told Lan

4. “Could you do the washing up for me?”

→ Van’s brother asked her

5. “Can you make me some cold drink?”

→ He asked Lan

5. Advice in reported speech: Lời khuyên trong cách nói gián tiếp:

a. Cách 1: Khi được tường thuật lại trong lời nói gián tiếp, động từ tình thái “should” trong lời khuyên trực tiếp thường không đổi.

S + said / told (+that) + S + should + V.....

Ex1: “You should stop smoking,” he said.

→ He said/ told (that) I should stop smoking.

Ex2: “You shouldn’t drive so fast, John” he said.

→ He said/ told (that) John shouldn’t drive so fast.

b. Cách 2: Thực hiện các bước như chuyển câu mệnh lệnh, yêu cầu, dùng động từ mở đầu: advised (khuyến)

S + advised + O + (not) + to V.....

Ex1: “You should stop smoking,” he said.

→ He advised me to stop smoking.

Ex2: “You shouldn’t drive so fast, John” he said.

→ He advised John not to drive so fast.

Exercise 5: Rewrite the following advices in reported speech:

1. “I shouldn’t do that if I were you.”, he said

2. Tom said: “You ought to take a taxi, Mary.”

3. The doctor said: “You must take more exercise.”